

BỘ Y TẾ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1481/BYT-BMTE
V/v hướng dẫn nhiệm vụ trọng tâm
công tác trẻ em năm 2025

Hà Nội, ngày 14 tháng 3 năm 2025

Kính gửi: Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

Trong năm 2024 vừa qua, công tác chỉ đạo, điều hành, đầu tư nguồn lực cho công tác trẻ em của một số bộ, ngành, địa phương đã đạt được nhiều kết quả tích cực. Trẻ em bị bạo lực, xâm hại và tai nạn đuối nước có chiều hướng giảm. Năm 2025 là năm cuối kỳ thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025, thực hiện tinh gọn tổ chức, bộ máy, tiến hành Đại hội Đảng các cấp tiến tới Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng. Nhằm bảo đảm trách nhiệm thực hiện quyền trẻ em, giải quyết các vấn đề về trẻ em quy định tại Luật Trẻ em, Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 08/01/2025 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 và các văn bản chỉ đạo, điều hành có liên quan, Bộ Y tế hướng dẫn nhiệm vụ trọng tâm công tác trẻ em:

1. Tiếp tục triển khai thực hiện đường lối của Đảng, pháp luật, chính sách của Nhà nước và các công ước, điều ước quốc tế về trẻ em Việt Nam đã phê chuẩn: Quyết định số 1183/QĐ-TTg ngày 14/10/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch thực hiện Chỉ thị số 28 CT/TW ngày 25/12/2023 của Bộ Chính trị về “tăng cường công tác chăm sóc, giáo dục, bảo vệ trẻ em đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước đất nước phồn vinh, hạnh phúc”; Quyết định số 23/QĐ-TTg ngày 07/01/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình hành động quốc gia vì trẻ em giai đoạn 2021-2030; Quyết định số 27/QĐ-TTg ngày 03/01/2025 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch thực hiện các Khuyến nghị của Ủy ban về quyền trẻ em của Liên hợp quốc.

Sơ kết, tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện các chương trình, đề án về trẻ em đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Tiếp tục tham mưu xây dựng và thực hiện pháp luật, chính sách, giải pháp, mô hình bảo vệ, chăm sóc, giáo dục trẻ em.

2. Tham mưu ưu tiên lồng ghép các mục tiêu, chỉ tiêu về trẻ em trong chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội của địa phương. Khẩn trương kiện toàn tổ chức, bộ máy, bố trí ngân sách và nhân lực, nhất là người làm công tác bảo vệ trẻ em các cấp để hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu về trẻ em trung hạn và dài hạn.

Cụ thể hóa quan điểm, nhiệm vụ, giải pháp của Chỉ thị số 28 CT/TW ngày 25/12/2023 của Bộ Chính trị về “tăng cường công tác chăm sóc, giáo dục, bảo vệ trẻ em đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước đất nước phồn vinh, hạnh phúc” trong kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2026 – 2030 trình đại hội Đảng các cấp.

Bảo đảm thực hiện quyền trẻ em và giải quyết các vấn đề về trẻ em: phòng ngừa, hỗ trợ, can thiệp kịp thời đối với trẻ em có nguy cơ bị xâm hại và trẻ em bị xâm hại; phòng, chống tai nạn thương tích, đuối nước trẻ em; phòng, chống suy dinh dưỡng, bảo đảm các loại vắc xin tiêm chủng cho trẻ em theo độ tuổi và tăng cường các biện pháp phòng, chống dịch bệnh cho trẻ em; bảo vệ trẻ em trên môi trường mạng; chăm sóc sức khỏe tâm thần cho trẻ em, chăm sóc trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, trẻ em bị bỏ rơi, mồ côi, không nơi nương tựa; giáo dục pháp luật, đạo đức lối sống để phòng ngừa trẻ em và người chưa thành niên vi phạm pháp luật.

3. Tăng cường truyền thông, vận động xã hội xây dựng môi trường sống an toàn, thân thiện, lành mạnh cho trẻ em; tiếp tục thực hiện quy định về xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em theo Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 03/01/20219 của Thủ tướng Chính phủ.

Chú trọng truyền thông đến từng cộng đồng dân cư, hộ gia đình, trường học, lớp học, nhất là vùng khó khăn, dân tộc thiểu số, miền núi về kiến thức, kỹ năng thực hiện quyền trẻ em, kỹ năng làm cha mẹ, kỹ năng sống cho trẻ em. Quảng bá rộng rãi các dịch vụ bảo vệ trẻ em, Tổng đài điện thoại quốc gia bảo vệ trẻ em (số 111) và địa chỉ các cơ quan, tổ chức tiếp nhận, giải quyết vụ việc vi phạm quyền trẻ em.

Vận động nguồn lực, phát huy vai trò, cách làm sáng tạo của các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội; khuyến khích cá nhân, doanh nghiệp tham gia công tác chăm sóc, giáo dục, bảo vệ trẻ em. Tổ chức Tháng hành động vì trẻ em năm 2025 với chủ đề “Ưu tiên nguồn lực hoàn thành các mục tiêu vì trẻ em” để bảo đảm vai trò chủ đạo của ngân sách nhà nước, phân bổ nguồn lực hợp lý trong thực hiện pháp luật, chính sách đối với trẻ em. Tổ chức Tết Trung thu cho trẻ em an toàn, lành mạnh, kết hợp với quảng bá, giáo dục bản sắc văn hóa dân tộc, các sự kiện văn hóa, lễ hội và du lịch của địa phương.

4. Ưu tiên nâng cao năng lực cho các cấp, các ngành, tổ chức phối hợp liên ngành, cơ sở cung cấp dịch vụ chăm sóc, giáo dục, bảo vệ trẻ em. Tăng cường đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực chuyên môn kỹ thuật cho cán bộ y tế ở miền núi, vùng khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số nhằm từng bước rút ngắn khoảng cách, nâng cao các chỉ số sức khỏe và giảm tử vong trẻ em ở các vùng này so với thành thị và đồng bằng.

5. Tiếp tục củng cố và phát triển hệ thống dịch vụ đáp ứng thực hiện quyền trẻ em có sự lồng ghép và phối hợp giữa các dịch vụ y tế, giáo dục, tư pháp và các dịch vụ an sinh xã hội; ưu tiên hệ thống dịch vụ bảo vệ trẻ em.

Hoàn thiện và thực hiện hiệu quả các quy chế, kế hoạch, quy trình phối hợp liên ngành về chăm sóc, bảo vệ trẻ em ở các cấp. Mở rộng mạng lưới xã hội tham gia bảo vệ trẻ em, tăng cường vai trò, trách nhiệm của các thành viên mạng lưới trong việc chăm sóc, bảo vệ trẻ em, thông tin, tố giác các hành vi vi phạm quyền trẻ em, xâm hại trẻ em.

6. Thúc đẩy quyền tham gia của trẻ em vào các vấn đề về trẻ em. Nhân rộng các mô hình, hoạt động có sự tham gia của trẻ em. Trang bị kiến thức, kỹ năng cho nhóm trẻ em nòng cốt về quyền trẻ em để trẻ em tham gia hỗ trợ bảo vệ, chăm sóc trẻ em và giải quyết các vấn đề của trẻ em.

7. Tăng cường thanh tra, kiểm tra việc thực hiện pháp luật, chính sách về trẻ em; hoạt động của các cơ sở chăm sóc, nuôi dưỡng, cơ sở cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em. Chủ động ngăn chặn, phòng ngừa, xử lý kịp thời, nghiêm minh các vụ việc xâm hại, gây tai nạn, thương tích trẻ em, đặc biệt các vụ việc gây tử vong trẻ em.

8. Tiếp tục triển khai thu thập chỉ tiêu thống kê, báo cáo về tình hình trẻ em và tình hình xâm hại trẻ em, xử lý vi phạm hành chính đối với các hành vi xâm hại trẻ em; thực hiện cập nhật, cung cấp và quản lý thông tin trẻ em từ cơ sở đáp ứng yêu cầu về phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư theo quy định.

Trên cơ sở nội dung hướng dẫn và căn cứ tình hình thực tiễn địa phương, các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện và báo cáo kết quả công tác trẻ em 6 tháng **trước ngày 20/5/2025**, kết quả năm 2025 **trước ngày 20/11/2025** theo biểu mẫu kèm theo Công văn này và trong quá trình triển khai, nếu có khó khăn, vướng mắc thông tin về Bộ Y tế (Cục Bà mẹ và Trẻ em) để kịp thời giải quyết./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương;
- Ủy ban VHGD của Quốc hội;
- Ủy ban Xã hội của Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Thành viên Ủy ban QGVTE;
- TW Đoàn TNCSHCM;
- TW Hội LHPNVN;
- Hội BVQTEVN;
- Các Vụ/Cục: KH-TC; PC; TTrB;
VP Bộ; Cục BTXH; Quỹ BTTEVN; VP Làng TE
SOS VN; TT TTYTQG; Báo SKĐS;
- Sở Y tế 63 tỉnh, thành phố;
- Lưu: VT, BMTE (07).

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Tri Thức

Phụ lục 1

(Kèm theo Công văn số ~~1481~~ /BYT-BMTE ngày ~~14~~ /3/2025 của Bộ Y tế)

MẪU BÁO CÁO (6 tháng và 1 năm)

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH/TP...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 2025

Số:.....

BÁO CÁO

Kết quả công tác trẻ em 6 tháng/năm 202..
và phương hướng nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 202../năm 202..

I. Đặc điểm tình hình

1. Tình hình kinh tế - xã hội tác động đến trẻ em, tình hình trẻ em và công tác trẻ em tại địa phương.
2. Những vấn đề về trẻ em và công tác trẻ em phát sinh hoặc chưa được giải quyết.

II. Kết quả thực hiện

1. Công tác tham mưu, chỉ đạo, giám sát, đánh giá thực hiện quyền trẻ em
2. Công tác bảo vệ trẻ em (ở 3 cấp độ)
3. Công tác chăm sóc trẻ em
4. Công tác giáo dục trẻ em
5. Công tác văn hóa, thông tin, thể thao, du lịch cho trẻ em
6. Thực hiện quyền tham gia của trẻ em
7. Kết quả các dự án, chương trình, mô hình hợp tác quốc tế hoặc vận động xã hội
8. Hoạt động của Quỹ bảo trợ trẻ em
9. Kinh phí đầu tư cho công tác trẻ em
(Phần số liệu theo phụ lục 1, 2, 3)

III. Đánh giá kết quả đạt được

1. So sánh kết quả, hiệu quả so với cùng kỳ năm 2024
2. Những tồn tại, hạn chế
3. Nguyên nhân của tồn tại, hạn chế (quản lý nhà nước, phối hợp liên ngành, tác động khách quan,...)

IV. Kế hoạch 6 tháng cuối năm 202... hoặc năm 202...

1. Mục tiêu chung
2. Các mục tiêu cụ thể
3. Các chỉ tiêu cần đạt
4. Nội dung các chương trình, đề án, hoạt động trọng tâm và các mô hình tiếp tục thực hiện
5. Dự kiến tổng kinh phí hoạt động.

Nơi nhận:

-
-

UBND tỉnh/Thành phố...
(Ký tên, đóng dấu)

Phụ lục 2(Kèm theo Công văn số ~~1481~~ /BYT-BMTE ngày ~~14~~ /3/2025 của Bộ Y tế)**THỐNG KÊ SỐ LIỆU CƠ BẢN VỀ CÔNG TÁC TRẺ EM****Tỉnh/thành phố:.....**

Mẫu số 01/TE

Kỳ báo cáo: 2 lần/năm

Ngày báo cáo: 20/5 và 20/11

TT	Chỉ tiêu, mục tiêu	ĐVT	Năm 2025
I	Dân số trẻ em		
1	Số trẻ em dưới 16 tuổi	Người	
	Tỷ lệ trẻ em dưới 16 tuổi/tổng dân số	%	
2	Số trẻ em dưới 6 tuổi	Người	
	Tỷ lệ trẻ em dưới 6 tuổi/tổng dân số	%	
3	Số trẻ em dưới 6 tuổi được cấp thẻ bảo hiểm y tế	Người	
	Trong đó:		
	Số trẻ em dưới 6 tuổi được khám chữa bệnh bằng thẻ bảo hiểm y tế	Người	
4	Số người chưa thành niên từ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi	Người	
	Tỷ lệ người chưa thành niên từ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi/tổng dân số	%	
II	Nguồn kinh phí cho lĩnh vực trẻ em		
1	Tổng ngân sách	Triệu đồng	
1.1	Ngân sách Trung ương (thông qua các Chương trình, Đề án, ...)	Triệu đồng	
1.2	Ngân sách địa phương	Triệu đồng	
	- Cơ quan QLNN về (nguồn triển khai thông qua cơ quan QLNN về TE, bao gồm cả nguồn thực hiện chính sách bảo trợ xã hội cho trẻ em; cấp cho hoạt động của Quỹ BTTE cấp tỉnh).	Triệu đồng	
	+ Trong đó: Ngân sách địa phương bố trí cho các Chương trình, Kế hoạch, Đề án của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt thông qua cơ quan QLNN về TE.	Triệu đồng	
	- Thành phố, quận, huyện, thị xã (nguồn triển khai tại cấp huyện, không tính nguồn do cấp tỉnh phân bổ về cho cấp huyện).	Triệu đồng	
	- Xã, phường, thị trấn (nguồn triển khai tại cấp xã, không tính nguồn do cấp tỉnh, huyện phân bổ cho cấp xã)	Triệu đồng	
2	Các nguồn kinh phí vận động khác	Triệu đồng	
2.1	Vận động của Quỹ Bảo trợ trẻ em địa phương (các cấp) (bao gồm kinh phí vận động từ các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong nước)	Triệu đồng	
2.2	Nguồn từ các tổ chức quốc tế	Triệu đồng	
III	Số người làm công tác trẻ em các cấp		
1	Cấp tỉnh	Người	
2	Cấp huyện	Người	
	Trong đó:	Người	
2.1	Chuyên trách	Người	
2.2	Kiểm nhiệm	Người	
3	Cấp xã	Người	
	Người làm công tác bảo vệ trẻ em cấp xã	Người	
4	Cộng tác viên tại thôn, làng, ấp, bản, buôn, phum, sóc, tổ dân phố, khu phố, khóm	Người	
IV	Nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ làm công tác trẻ em và trẻ em		

TT	Chỉ tiêu, mục tiêu	ĐVT	Năm 2025
1	Số lớp và số cán bộ cấp tỉnh/huyện được tập huấn về công tác trẻ em (quản lý và tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch, dự án,... về trẻ em ở địa phương)		
1.1	Số lớp	Lớp	
1.2	Số lượt người	Lượt	
2	Số lớp/số cán bộ cấp xã, cộng tác viên làm công tác trẻ em tại thôn, làng, ấp, bản, buôn, phum, sóc, tổ dân phố, khu phố, khóm được tập huấn kỹ năng về thực hiện quyền trẻ em		
2.1	Số lớp	Lớp	
2.2	Số lượt người	Lượt	
3	Số lớp, số trẻ em được tập huấn về quyền trẻ em và kỹ năng tự bảo vệ		
3.1	Số lớp	Lớp	
3.2	Số lượt trẻ em	Lượt	
4	Số tài liệu tập huấn được xây dựng, sử dụng	Đầu tài liệu	
V	Truyền thông, giáo dục và vận động xã hội		
1	Số lượt người được truyền thông trực tiếp về lĩnh vực trẻ em dưới các hình thức	Lượt	
2	Số sản phẩm truyền thông về lĩnh vực trẻ em được sản xuất ở địa phương		
	Trong đó:		
2.1	Số chương trình phát thanh/truyền hình về thực hiện quyền trẻ em được phổ biến ở địa phương	CT	
2.2	Số chuyên trang/chuyên mục trên báo/tạp chí/mạng truyền thông về thực hiện quyền trẻ em được phổ biến ở địa phương	Đầu CT, CM	
3	Số lượng các hoạt động truyền thông khác	Hoạt động/ sự kiện	
VI	Xã, phường, thị trấn đạt tiêu chuẩn phù hợp với trẻ em		
1	Số xã, phường, thị trấn đạt tiêu chuẩn xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em	Xã/phường/thị trấn	
2	Tỷ lệ xã, phường, thị trấn đạt tiêu chuẩn xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em	%	
VII	Tháng hành động vì trẻ em		
1	Số điểm tổ chức Lễ phát động, sự kiện, hoạt động	Điểm	
2	Số lượt trẻ em được tham dự Lễ phát động, sự kiện, hoạt động	Lượt	
3	Số lượt trẻ em được tặng quà, cấp học bổng, phẫu thuật miễn giảm phí	Lượt	
4	Kinh phí dành cho trẻ em, công trình cho trẻ em trong Tháng hành động vì trẻ em, gồm:	Triệu đồng	
4.1	Ngân sách (cấp tỉnh, huyện, xã)	Triệu đồng	
4.2	Nguồn vận động	Triệu đồng	
VIII	Diễn đàn trẻ em các cấp		
1	Số diễn đàn trẻ em các cấp (tỉnh, huyện, xã)	Cuộc	
2	Số lượt trẻ em tham gia	Lượt	
IX	Tết Trung thu cho trẻ em		
1	Số điểm tổ chức Tết Trung thu (tỉnh, huyện, xã)	Điểm	
2	Số lượt trẻ em được tham gia Tết Trung thu	Lượt	

TT	Chỉ tiêu, mục tiêu	ĐVT	Năm 2025
3	Số lượt trẻ em được tặng quà	Lượt	
4	Kinh phí dành cho trẻ em trong dịp Tết Trung thu, gồm:	Triệu đồng	
4.1	Ngân sách (cấp tỉnh, huyện, xã)	Triệu đồng	
4.2	Nguồn vận động	Triệu đồng	
X	Hội đồng nhân dân các cấp gặp mặt trẻ em (tỉnh, huyện, xã)		
1	Hội đồng nhân dân các cấp gặp mặt trẻ em (tỉnh, huyện, xã)	Cuộc	
2	Số lượt trẻ em tham gia	Lượt	

..... ngày..... tháng..... năm.....

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Lãnh đạo phê duyệt
(Ký, ghi rõ họ tên)

Phụ lục 3

(Kèm theo Công văn số ~~1481~~/BYT-BMTE ngày ~~14~~/3/2025 của Bộ Y tế)

THỐNG KÊ VỀ HỆ THỐNG CUNG CẤP DỊCH VỤ BẢO VỆ TRẺ EM

Tỉnh/thành phố:.....

Mẫu số 03/TE
Kỳ báo cáo: 2 lần/năm
Ngày báo cáo: 25/5 và 20/11

TT	Chỉ tiêu, mục tiêu	DVT	Năm 2025
I	Cấu trúc, tổ chức tổ chức phối hợp liên ngành về trẻ em các cấp		
1	Tổ chức phối hợp liên ngành cấp tỉnh	Có/không	
2	Số quận, huyện, thị xã, thành phố thành lập tổ chức phối hợp liên ngành cấp huyện	Huyện	
3	Số xã, phường, thị trấn thành lập tổ chức phối hợp liên ngành cấp xã	Xã	
4	Số xã, phường, thị trấn thành lập Nhóm thường trực bảo vệ trẻ em cấp xã	Xã	
5	Số xã, phường, thị trấn có mạng lưới cộng tác viên tham gia công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em ở thôn/ xóm/bản/làng/cụm dân cư	Xã	
II	Hệ thống cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em		
1	Số cơ sở cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em cấp tỉnh (do cơ quan QLNN về trẻ em, trợ giúp xã hội quản lý)		
1.1	<i>Cơ sở có một phần chức năng, nhiệm vụ cung cấp dịch vụ BVTE</i>		
a	<i>Số cơ sở công lập</i>		
	- Số cơ sở công lập	Cơ sở	
	- Số cán bộ, nhân viên	Người	
	- Số cán bộ trực tiếp cung cấp dịch vụ BVTE	Người	
	- Số trẻ em được cơ sở cung cấp dịch vụ (một hoặc nhiều dịch vụ)	Người	
	- Kinh phí (hoạt động, nuôi dưỡng trẻ em)	Triệu đồng	
b	<i>Số cơ sở ngoài công lập:</i>		
	- Số cơ sở ngoài công lập	Cơ sở	
	- Số cán bộ, nhân viên	Người	
	- Số cán bộ trực tiếp cung cấp dịch vụ BVTE	Người	
	- Số trẻ em được cơ sở cung cấp dịch vụ (một hoặc nhiều dịch vụ)	Người	
	- Kinh phí (hoạt động, nuôi dưỡng trẻ em)	Triệu đồng	
1.2	<i>Cơ sở có chức năng, nhiệm vụ chuyên biệt cung cấp dịch vụ BVTE</i>		
a	<i>Số cơ sở công lập</i>		
	- Số cơ sở công lập	Cơ sở	
	- Số cán bộ, nhân viên	Người	
	- Số cán bộ trực tiếp cung cấp dịch vụ BVTE	Người	
	- Số trẻ em được cơ sở cung cấp dịch vụ (một hoặc nhiều dịch vụ)	Người	
	- Kinh phí (hoạt động, nuôi dưỡng trẻ em)	Triệu đồng	
b	<i>Số cơ sở ngoài công lập:</i>		
	- Số cơ sở ngoài công lập	Cơ sở	
	- Số cán bộ, nhân viên	Người	
	- Số cán bộ trực tiếp cung cấp dịch vụ BVTE	Người	
	- Số trẻ em được cơ sở cung cấp dịch vụ (một hoặc nhiều dịch vụ)	Người	
	- Kinh phí (hoạt động, nuôi dưỡng trẻ em)	Triệu đồng	

TT	Chỉ tiêu, mục tiêu	ĐVT	Năm 2025
2	Tổ chức tập huấn/bồi dưỡng kỹ năng thực hành cho đội ngũ cán bộ làm việc trong hệ thống cung cấp dịch vụ (công lập và ngoài công lập)		
	- Số lớp tập huấn/bồi dưỡng	Lớp	
	- Số lượt cán bộ làm việc trong hệ thống cung cấp dịch vụ được tập huấn/bồi dưỡng (công lập và ngoài công lập).	Lượt người	
3	Số cơ sở cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em cấp huyện/tổng số cấp huyện	Cơ sở/Huyện	
4	Số điểm tư vấn cộng đồng	Điểm	
5	Số điểm tư vấn trường học	Điểm	

..... ngày..... tháng..... năm.....

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Lãnh đạo phê duyệt
(Ký, ghi rõ họ tên)

TT	Nội dung	Tổng số trẻ em	Tỷ lệ trẻ em được trợ giúp	Tổng số trẻ em được nhận trợ giúp	Các hình thức trợ giúp				
					Trợ giúp xã hội	Trợ giúp y tế	Trợ giúp giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	Trợ giúp pháp lý, hỗ trợ tư vấn	Trợ giúp bằng các hình thức khác
					Người	Người	Người	Người	Người
4	Trẻ em sống trong gia đình có người mắc tệ nạn xã hội (cha, mẹ, người nuôi dưỡng hoặc thành viên gia đình nghiện ma túy, cờ bạc, trộm cắp, mại dâm)								
5	Trẻ em sống trong gia đình có người vi phạm pháp luật (cha, mẹ, người nuôi dưỡng hoặc thành viên gia đình đang trong thời gian chấp hành xử lý vi phạm hành chính hoặc hình sự)								
6	Trẻ em sống trong gia đình có cả cha và mẹ đi làm ăn xa (trẻ em phải sống xa cả cha và mẹ liên tục từ 6 tháng trở lên)								
7	Trẻ em mồ côi cha hoặc mồ côi mẹ								
IV	Tổng số trẻ em có hoàn cảnh khác								
Nhóm trẻ em có hoàn cảnh khác chia theo các loại sau:									
1	Trẻ em bị bắt cóc, chiếm đoạt, đánh tráo								
2	Trẻ em bị tai nạn thương tích								
2.1	Số trẻ em bị tai nạn thương tích								
2.2	Số trẻ em tử vong do tai nạn thương tích								
	+ Trong đó: Số trẻ em tử vong do đuối nước								
	Số trẻ em tử vong do tai nạn giao thông								

..... ngày..... tháng..... năm.....

Người lập biểu

Lãnh đạo phê duyệt

TT	Nội dung	Tổng số trẻ em	Tỷ lệ trẻ em được trợ giúp	Tổng số trẻ em được nhận trợ giúp	Các hình thức trợ giúp				
					Trợ giúp xã hội	Trợ giúp y tế	Trợ giúp giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	Trợ giúp pháp lý, hỗ trợ tư vấn	Trợ giúp bằng các hình thức khác
					Người	Người	Người	Người	Người
		Người	%	Người	Người	Người	Người	Người	Người

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)